

SỰ NGHIÊN CỨU ĐỘNG TỪ NÓI NĂNG TRONG TIẾNG VIỆT

PHẠM THỊ HOÀ

Khoa Ngữ văn ĐHSP Hà Nội II

Động từ chỉ hành vi nói năng có số lượng lớn, bao trùm hết thảy các lĩnh vực của đời sống xã hội. Có hàng chục công trình nghiên cứu, trong đó có đề cập đến loại động từ này. Cách xử lý của mỗi tác giả một khác. Chúng tôi tạm chia thành hai hướng chính sau :

1. Hướng thứ nhất : Dựa vào mặt hình thức ngữ pháp , chủ yếu là dựa vào khả năng kết hợp của từ mà phân xuất động từ nói năng (ĐTNN) vào các tiểu loại động từ khác.

Đây là cách xử lý các tác giả : Nguyễn Kim Thản [19] Bùi Minh Toán [12], Nguyễn Hữu Quỳnh [18], Hoàng Văn Thung [2], Diệp Quang Ban [2], Đái Xuân Ninh [14], Nguyễn Anh Quế [16].

Trong "Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó" [17], tác giả Nguyễn Thị Quy đã nghiên cứu ĐTNN không chỉ về đặc điểm ngữ pháp mà còn quan tâm hơn về mặt ngữ nghĩa của từ so với các tác giả khác. Nhưng ĐTNN cũng chưa được tác giả tách riêng và đi sâu nghiên cứu kỹ, cho nên chúng tôi vẫn xếp tác giả Nguyễn Thị Quy vào nhóm thứ nhất.

Có thể tóm tắt sự nghiên cứu ĐTNN qua việc phân tích và xếp chúng vào các tiểu loại động từ như sau :

Tác giả Nguyễn Kim Thản xếp ĐTNN lần với các động từ khác trong 6 tiểu loại :

- Động từ tác động : ăn, ẩm, cày, cấy, *khen ngợi* [19. tr 132]
- Động từ nửa tác động : nghe, nhìn, mến, *nịnh, đe, dọa* ... [19. tr 135]
- Động từ phát nhận : bán, *biếu, tặng*, ăn cắp, *vay* ... [19. tr 144]
- Động từ gây khiến : cưỡng bức, dịu, dịu dặt, *bảo, gọi, đề nghị, cấm* ... [19. tr 148]
- Động từ đánh giá - nhận xét : coi, lấy, *thừa nhận, công nhận, bầu, cử* ... [19. tr 154].
- Động từ cảm nghĩ - nói năng : nghĩ, biết, định nịnh, *ché, chối, kể, kêu, khen* ... [19. tr 160].

Tác giả Nguyễn Hữu Quỳnh cũng chia ĐTNN vào 3 loại nhỏ [19. tr 154].

- Nhóm động từ ngoại hưởng : cày, cấy, nhìn, vay, khen ngợi ... [18. tr 154].
- Nhóm động từ gây khiến : làm (cho), để (cho), *khuyến, bảo, yêu cầu* ... [18. tr 156].
- Nhóm động từ cảm nghĩ - nói năng : biết, nghĩ, *bảo, hiểu, kể, kêu khen* ... [18. tr 158].

Hai tác giả trên gặp nhau trong sự phi lý về tính thứ bậc của các tiểu loại động từ. Theo chúng tôi, động từ gây khiến chỉ là một loại nhỏ trong loại ĐTNN và ĐTNN chỉ là một trong những loại của động từ ngoại hướng, động từ tác động. Sự bất hợp lý này được tác giả Bùi Minh Toán khắc phục trong cách chia của mình. Mặc dù một số ĐTNN cũng được tác giả xếp vào tiểu loại *cảm nghĩ - nói năng*, và cũng xếp độc lập với các tiểu loại *động từ gây khiến* và *động từ nhận xét - đánh giá*, v.v... Nhưng tất cả các loại nhỏ này được xếp trong một loại lớn : *động từ ngoại hướng*. Tác giả đã một phần nêu quan điểm của mình về tiểu loại ĐTNN qua sự chú thích về nghĩa và cách của động từ "bảo". Theo tác giả "động từ *bảo* có thể được dùng như một động từ *chỉ hành động nói năng* (Nó *bảo* rằng bố nó đi vắng) cũng có thể được dùng như một *động từ gây khiến* (tôi *bảo* nó đến gặp anh)" [12. tr 24]. Với cách giải thích này, tác giả coi ĐTNN là động từ biểu thị hoạt động nói để giao tiếp nói chung, còn các động từ gây khiến, nhận xét - đánh giá ... là các động từ biểu thị hoạt động nói những nội dung cụ thể.

Cũng như tác giả Bùi Minh Toán, tác giả Nguyễn Anh Quế [16] xếp tất cả các ĐTNN vào tiểu loại *động từ ngoại hướng*. Nhưng trong khi các động từ *nói, tuyên bố*, được xếp vào loại *cảm nghĩ - nói năng*, thì "*tố cáo, chửi, lên án* lại được xếp vào tiểu loại động từ biểu thị *hành động*". [16. tr 77]

Chẳng lẽ *chửi, tố cáo* ... không phải là hoạt động nói năng và *nói, tuyên bố* lại không phải là động từ hành động?

1. Các vị từ tác động biểu thị những hành động làm cho đối tượng biến đổi trạng thái [17. tr 120]. Loại này tác giả chia làm hai tiểu loại.

a) Những vị từ biểu thị những hành động có tác dụng làm cho đối tượng biến đổi về trạng thái vật chất.

b) Những vị từ biểu thị những hành động có tác dụng làm cho đối tượng biến đổi về trạng thái tinh thần.

Ví dụ : *đổ dành, an ủi, khuyến khích, đoạ, đe nẹt, hăm dọa,*

2. Các vị từ *cầu khiến* [17. tr 140].

Sai, nhờ, ra lệnh, khiến, xin, van, nài

Việc chỉ rõ các vị từ biểu thị những hành động làm cho biến đổi về trạng thái tinh thần, giả định một chủ thể (hành thể) [+ động vật] và một đối thể (bị thể) [+ động vật] chứng tỏ tác giả rất quan tâm tới cương vị nghĩa, cách diễn đạt nghĩa. Điều này càng thể hiện rõ hơn khi tác giả sắp đặt từ vào các khung diễn tố khác nhau. Kết quả cho thấy "ở mỗi khung diễn tố, từ "thử nghiệm" cho một nghĩa khác và các diễn tố của nó cũng có một thái độ cú pháp khác". [17. tr 120].

Phương pháp nghiên cứu động từ của tác giả Nguyễn Thị Quy đã đưa đến những kết luận khá thuyết phục. Tiếc rằng loại ĐTNN mà chúng tôi quan tâm lại chưa được tác giả nghiên cứu một cách hệ thống.

Đặc điểm chung của hướng nghiên cứu thứ nhất là : Vì quá coi trọng tiêu trí hình thức nên đại bộ phận các tác giả phân tán ĐTNN vào các tiểu loại động từ khác không cùng cơ cấu nghĩa. Cụ thể, động từ nói năng được xếp vào tiểu loại : *động từ tác động* [19. tr 132], *động từ hành động* [16. tr 77], *động từ gây khiến* [12. tr 24; 18. tr 155; 19. tr 148], *động từ cầu khiến* [17. tr 140], *động từ cảm nghĩ - nói năng* [12. tr 23; 16. tr 80; 18. tr 132].

Điều này dẫn đến một sự không nhất quán khác. Rất nhiều động từ nói năng có những đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ pháp giống nhau, lại được xếp vào các bậc khác nhau.

Có những điều bất hợp lý kể trên, có lẽ là do động từ nói năng chưa phải là đối tượng quan tâm chính của các tác giả khi nghiên cứu về động từ tiếng Việt.

2. Hướng thứ hai : Nghiên cứu động từ nói năng trong một biểu loại riêng.

Đây là hướng nghiên cứu của các tác giả Hoàng Văn Thành [7], Đỗ Hữu Châu [4] và một số học viên Sau đại học chuyên ngành lý luận Ngôn ngữ.

Có thể tóm tắt các nội dung về ĐTNN được tác giả quan tâm như sau :

- Xác định thế nào là ĐTNN trong sự phân biệt với động từ nói chung và động từ cảm nghĩ nói riêng.
- Phân loại ĐTNN.
- Lập mô hình cấu trúc ngữ nghĩa cho các ĐTNN.

Trong bài viết này chúng tôi chỉ nêu tóm lược nội dung cơ bản của mỗi vấn đề.

2.1. Cần tách ĐTNN ra thành một tiểu loại riêng.

Chúng tôi xin tóm tắt những gợi ý của tác giả Đỗ Hữu Châu.

a) Cần phân biệt động từ biểu thị hành động nói năng với động từ biểu thị hành động vật lý.

Một hành động vật lý như *đóng* (một cái đinh) đòi hỏi một số hành động bộ phận

như : lấy đinh, lấy búa, đặt đinh vào vị trí cần đóng, cầm búa , nện vào đầu đinh. Nhưng đó vẫn là một hành động đơn phương.

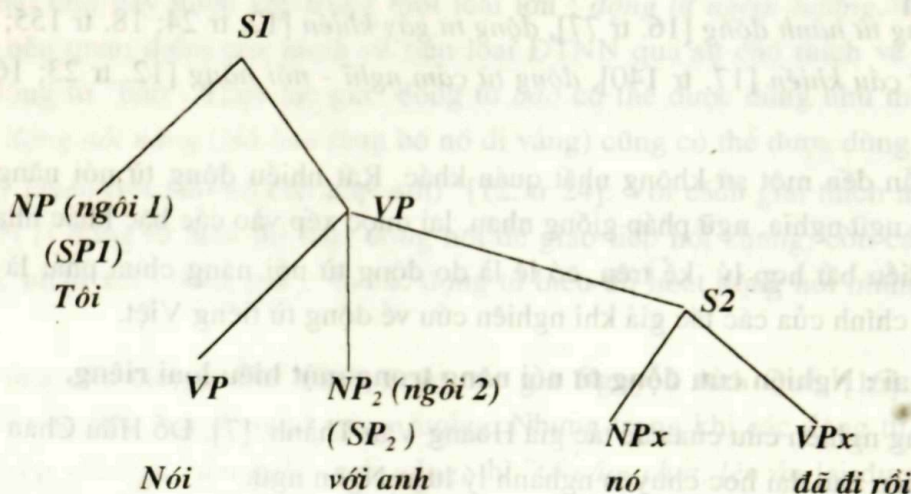
Còn một hành động ngôn ngữ nói chẳng hạn, ít ra là phải có hai người, vai nói, vai nghe. Như thế, nói năng là một dạng hành động xã hội của con người bằng ngôn ngữ.

b) Phân biệt động từ nói năng và động từ cảm nghĩ :

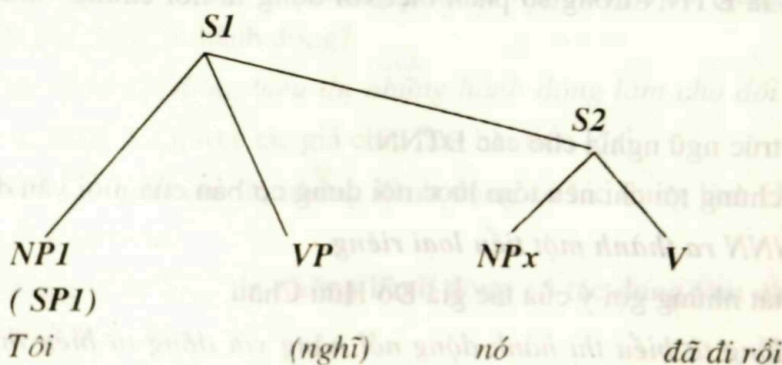
Như đã điểm ở phần 1, rất nhiều nhà nghiên cứu đã nhập hai loại động từ nói năng và cảm nghĩ là một. Trong những bài giảng chuyên đề "Các động từ nói năng trong tiếng Việt", tác giả Đỗ Hữu Châu đã bắt đầu từ việc phân tích cấu trúc ngữ nghĩa của động từ nói và nghĩ, hai động từ điển hình cho hai loại động từ nói năng và cảm nghĩ) theo giải pháp ngôi thứ nhất của Weirzbieka. A., để từ đó xác định sự khác biệt giữa hai loại động từ này.

Có thể lấy mô hình của Ross để minh họa cho sự phân biệt của tác giả.

Mô hình 1 :



Mô hình 2 :



Với mô hình 1 của Ross, ta có thể nói ĐTNN là những động từ thực hiện một hành vi ngôn ngữ nào đó và chỉ có thể thực hiện trong hội thoại. Sau ĐTNN bao giờ cũng có

đối tượng nghe nói (SP_2) và nội dung nói của SP_1 có phần của người khác. Nghĩa là tính đúng sai của nội dung mệnh đề không hoàn toàn phụ thuộc vào SP_1 .

Nhưng theo mô hình 2, ta thấy : Toàn bộ S_2 là nội dung cảm nghĩ của S_1 . Sau động từ cảm nghĩ chỉ có nội dung cảm nghĩ đối tượng mà hành động nghĩ hướng tới chứ không thể có đối tượng cùng tham gia nghĩ với mình. Cho nên yếu tố lịch sự không đi kèm với các động từ cảm nghĩ. Nhưng với các động từ nói năng thì cần. Nhất là những động từ đe dọa và tôn vinh thể diện, rất cần yếu tố lịch sự đi kèm.

2.2. Các cách phân loại ĐTNN.

a) Tác giả Hoàng Văn Hành trong bài viết "Về nghĩa của các từ biểu thị sự nói năng tiếng Việt" đã đưa ra các hướng chia tách động từ nói năng như sau :

Cách 1 : Từ góc độ người nói, phân ra các ĐTNN chuyên dùng để biểu thị hành vi phát ra lời tương ứng :

- Để trần thuật, có những từ : kể, kể lể, thuật, trình bày, giảng, giảng giải ...
- Để hỏi, có những từ như : hỏi, vặn, căn vặn, bề, chất vấn, lục vấn ...
- Để cầu khiến, có những từ như : sai, khiến, van nài, nài, xin, bảo, khuyên...
- Để biểu thị sự xúc cảm, than vãn... có những từ như : kêu, la, thét, ca thán, than vãn, than thở

Cách phân loại này phản ánh được một khía cạnh quan trọng vào bậc nhất của cơ chế giao tiếp, nhưng còn khá nhiều ĐTNNN khó xếp vào loại nào trong cách phân loại trên.

Cách 2 : Phân loại lấy tính chất của mối quan hệ giữa lời với chủ thể và khách thể giao tiếp làm căn cứ.

Kết quả của sự phân loại này :

- Những từ ngữ biểu thị hành vi độc thoại như : lảm cẩm, ca cẩm, càu nhàu, tự chủ ...
- Những từ ngữ biểu thị hành vi đối thoại như : bàn, cãi, chối, hỏi - đáp, chuyện trò, đôi co ...

Theo chúng tôi, những từ ngữ mà tác giả xếp xấp vào loại biểu thị hành vi độc thoại, có ý nghĩa cách thức nói rõ hơn là ý nghĩa nói năng giao tiếp. Cho nên, xuất phát từ quan niệm đã trình bày trong mục 2.1, chúng tôi chỉ quan tâm đến những từ ngữ biểu thị hành vi đối thoại.

Cách 3 : Phân loại dựa trên sự khác nhau trong phương thức biểu thị cơ cấu nghĩa của các từ đang xét :

- Nhóm những đơn vị biểu thị cơ cấu nghĩa bằng phương thức tổng hợp tính như : hứa, hẹn, thề, khuyên, can.

- Nhóm những đơn vị biểu thị cơ cấu nghĩa bằng phương thức phân tích tính như :
nói kháy, nói leo, nói cạnh nói lóng ...

Với mục đích để phân tích cơ cấu nghĩa của các từ ngữ biểu thị sự nói năng, thì cách phân loại trên sẽ tạo điều kiện cho tác giả tìm ra được những nét khu biệt tinh tế về ngữ nghĩa giữa các từ trong nhóm.

Theo chúng tôi, đây là một cách phân loại gợi ra được nhiều vấn đề nghiên cứu về ĐTNN nói riêng và động từ nói chung.

b) Cách phân loại của tác giả Đỗ Hữu Châu :

Trong các bài giảng chuyên đề "ĐTNN trong tiếng Việt", tác giả đã gợi ý nhiều cách phân loại. Ví dụ có cách trùng với cách 3 của tác giả Hoàng Văn Hành. Ngoài ra, có thể giới thiệu thêm một số cách phân loại mà tác giả lưu ý, như sau :

Cách 1 : Phân loại theo cách hành vi ở lời.

Với quan niệm tất cả các lời nói ra đều được thực hiện bằng một hành vi ngôn ngữ nào đó. Và hành vi ngôn ngữ đó được gọi tên bằng những ĐTNN. Phân nhóm các hành vi nói năng cũng tức là phân nhóm các ĐTNN. Có 5 phạm trù lớn, mỗi phạm trù có những nhóm nhỏ. Đó là cách phân chia của Searle mà tác giả Đỗ Hữu Châu đã dẫn ra trong "Ngôn ngữ học đại cương".

- Nhóm xác tín (khảo nghiệm, miêu tả, thông tin) : *nói, kể, thuật, đáp, trả lời, thông tin, ...*
- Nhóm điều khiển (ra lệnh, yêu cầu, ...) : *bảo, hỏi, sai, khiến ...*
- Nhóm cam kết (hứa hẹn, tặng biếu) : *thề, hẹn, dặn ...*
- Nhóm biểu cảm (vui thích / khó chịu ...) : *chửi, mắng, khen, chê, ca ngợi, phàn nàn ...*
- Nhóm tuyên bố (tuyên bố, buộc tội) : *tuyên án, phán, truyền ...*

Đây là bảng phân loại, mặc dầu còn nhiều vấn đề để bàn, nhưng nhiều bảng phân loại khác vẫn dựa trên bảng phân loại này làm điểm xuất phát.

Cách 2 : Trên cơ sở phân tích đặc tính cú pháp của ĐTNN trong phát ngôn ngữ vi, mà xác định động từ ngữ vi và không là động từ ngữ vi.

- Động từ ngữ vi : *xin lỗi, cảm ơn, hứa, mời, tuyên bố, khen khuyến ...*
- Không là động từ ngữ vi : *Chửi, cãi, dọa, nịnh, đe, mắng, chê, chối, trả lời, đáp ...*

Cách phân chia này giúp cho việc xác lập mô hình cấu trúc ngữ nghĩa của ĐTNN một phương pháp xử lý. Nếu ĐTNN là động từ ngữ vi, cấu trúc ngữ nghĩa sẽ được xác lập theo giải pháp ngôi thứ nhất. Nếu ĐTNN không là động từ ngữ vi, cấu trúc ngữ nghĩa sẽ theo chức năng mô tả.

Với các tác giả thuộc hướng thứ hai, ĐTNN đã có tiêu chí xác định rõ ràng, được nghiên cứu một cách có phương pháp và có hệ thống, gọi ra nhiều triển vọng.

3. Kết luận.

Nghiên cứu về ĐTNN mới chỉ là những bước đi ban đầu. Khi tìm hiểu cấu trúc nghĩa của ĐTNN có tác giả đã đề cập đến vấn đề hệ hình của biểu thức ngữ vị. Theo chúng tôi xác lập được các cách nói khác nhau cùng tương ứng với một hành vi ngôn ngữ nào đó, cùng một hiệu lực ở lời nói chung, sẽ góp phần làm sáng tỏ văn hóa giao tiếp của mỗi dân tộc.

Một mảng nội dung thuộc ĐTNN mà chúng tôi quan tâm đó là hiện tượng nhiều nghĩa. Khi nghiên cứu hiện tượng nhiều nghĩa, trước hết, chúng tôi quan tâm đến những từ đơn âm tiết, thuộc vốn từ cơ bản và là những động từ điển hình cho các nhóm. Để xác định các từ trên có thể có bao nhiêu nghĩa, chúng tôi bắt đầu từ công việc dự kiến khả năng đi vào cấu trúc nghĩa của mỗi từ. Từ nhiều nghĩa là những từ có từ hai cấu trúc nghĩa trở lên, hoặc là những từ chỉ đi vào duy nhất một cấu trúc nghĩa, nhưng lại có những sự biến đổi tinh tế trong các thành phần ý nghĩa, tùy theo sự tác động của ngữ cảnh. Thực tiễn hoạt động trong giao tiếp của các ĐTNN, lý thuyết ngữ dụng học sẽ là những chỉ dẫn để chúng tôi nghiên cứu sự chuyển biến ý nghĩa của loại động từ này.

Nhìn chung, nhiều vấn đề thuộc về ĐTNN vẫn còn đang bỏ ngỏ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Austin J. L. *Hội thoại, hành động, hành vi ngôn ngữ* Pari. 1980 (Dẫn theo Đỗ Hữu Châu. *Đại cương ngôn ngữ học T.2*) NXB Giáo dục. H. 1998
2. Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung. *Ngữ pháp tiếng Việt T 1+ 2*. NXB Giáo dục. H. 1998
3. Nguyễn Tài Cẩn. *Ngữ pháp tiếng Việt*. NXBĐHQG. H. 1996
4. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán. *Đại cương ngôn ngữ học T2*. NXB Giáo dục. H. 1993
5. Đinh Văn Đức. *Ngữ pháp tiếng Việt (Từ loại)*. NXBĐH & THCN. H. 1993
6. Đinh Thị Hà. *Cấu trúc ngữ pháp của ĐTNN : nhóm "Bàn" "Tranh luận" "Cãi"*. Luận văn Thạc sĩ. H. 1996
7. Hoàng Văn Hành. *Về nghĩa của các từ biểu thị sự nói năng trong tiếng Việt*. Ngôn ngữ số 1/1992
8. Nguyễn Thị Hoa. *Cấu trúc ngữ pháp của ĐTNN nhóm "Khen" "Tặng" "Chê"*. Luận văn Thạc sĩ. H. 1996

9. Nguyễn Thị Thái Hoà. *Cấu trúc ngữ nghĩa của ĐTNN nhóm "khuyên" "Ra lệnh" "Nhờ"*. Luận văn Thạc sĩ. H. 1997
10. Phạm Thị Hoà. *Nghĩa của một số động từ*. Ngữ học trẻ 1996
11. Phạm Thị Hoà. *Hiện tượng nhiều nghĩa của một số ĐTNN nhóm thông tin*. Ngữ học trẻ 1998
12. Đinh Trọng Lạc - Bùi Minh Toán. *Tiếng Việt tập 2*. Vụ giáo viên. H. 1992
13. Nguyễn Thị Ngạn. *Cấu trúc ngữ nghĩa của ĐTNN nhóm "thông tin"*. Luận văn Thạc sĩ. H. 1996
14. Đái Văn Ninh. *Hoạt động của tiếng Việt*. NXBKHXH. H. 1978
15. Hoàng Phê (chủ biên). *Từ điển tiếng Việt*. NXBKHXH. H. 1998
16. Nguyễn Anh Quế. *Ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Giáo dục. H. 1996
17. Nguyễn Thị Quy. *Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó (so sánh với tiếng Nga và tiếng Anh)*. NXBKHXH. H. 1995
18. Nguyễn Hữu Quỳnh. *Tiếng Việt hiện đại*. Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam. H. 1996
19. Nguyễn Kim Thản. *Động từ tiếng Việt*. NXBKHXH. H. 1997